

CHI NHÁNH PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT  
KHU VỰC CAM LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cam Lâm, ngày tháng 04 năm 2026

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ (ĐỢT 01: 12 TRƯỜNG HỢP)

Dự án Khu đô thị mới Cam Lâm - Khu 1 - Thôn Thủy Triều

(Kèm theo Thông báo số: ...../TB-CNKVCL ngày...../4/2026 của Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm)

I. TỔNG HỢP VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

1. Tổng số trường hợp phê duyệt:	12	Trường hợp
2. Tổng diện tích đất thu hồi:	15.671,6	m <sup>2</sup>
Trong đó:		
Diện tích đất nông nghiệp:	15.671,6	m <sup>2</sup>
Diện tích đất phi nông nghiệp:	0	m <sup>2</sup>
Đất ở:	0	m <sup>2</sup>
Không phải đất ở:	15.671,6	m <sup>2</sup>
3. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: (3.1+3.2)	25.539.325.113	đồng
<i>Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ, năm trăm ba mươi chín triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm hai mươi bảy đồng</i>		
3.1 Kinh phí bồi thường, hỗ trợ:	24.795.461.275	đồng
Trong đó:		
Bồi thường đất:	13.717.641.339	đồng
Bồi thường công trình, vật kiến trúc:	8.404.272.196	đồng
Bồi thường cây trồng vật nuôi:	275.985.000	đồng
Các khoản hỗ trợ:	2.397.562.740	đồng
Chi phí chính lý giấy tờ đất sau thu hồi:		đồng
3.2 Chi phí tổ chức thực hiện:	743.863.838	đồng
4. Về tái định cư (Kèm theo phương án tái định cư)		
Tổng số trường hợp tái định cư:		trường hợp
Tổng số lô đất bố trí tái định cư:		lô
Tổng diện tích đất tái định cư:		m <sup>2</sup>

TT	Thông tin về chủ sử dụng	Thông tin về nhà, đất và các tài sản trên đất bị thu hồi	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HT	Thành tiền (đồng)	Tổng số tiền (đồng)
----	--------------------------	--	-----------------------------	--------	----------	---------	--------------	-------------------	---------------------

<b>1</b>	<b>Họ và tên:</b>	<b>Chi tiết các thửa đất</b>							<b>1. BT về đất</b>				<b>342.901.973</b>	<b>1.187.627.743</b>	
	<b>Ông: Hồ Xuân Phú</b> <b>CCCD:056075005259</b>	Thôn Thủy Triều, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà							Đất trồng cây lâu năm;	m <sup>2</sup>	385,3	889.961	100%	342.901.973	
	Năm sinh: 1975	<b>Bản đồ trích đo</b>	<b>Bản đồ địa chính</b>	<b>Loại đất</b>	<b>Vị trí</b>	<b>TổngDT (m<sup>2</sup>)</b>	<b>DTthu hồi (m<sup>2</sup>)</b>	<b>DT còn lại (m<sup>2</sup>)</b>	Triều)						
	Địa chỉ thường trú:								<b>Số tờ</b>	<b>Số thửa</b>	<b>Số tờ</b>	<b>Số thửa</b>	- Đơn giá bồi thường đất áp dụng theo VB số 1953/PKT ngày 30/03/2026 của Phòng kinh tế xã Cam Lâm về cung cấp phương án giá đất cụ thể tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm, cụ thể:		
	Thôn Thủy Triều, Cam Lâm, Khánh Hòa	73	133	16	72	CLN	Vị trí 1	385,3	385,3	-	+ Đơn giá bồi thường đất CLN tờ 73 thửa 133 vị trí 1: 889.961 đồng/m <sup>2</sup> ;				
	<b>Bà: Lê Thị Xinh</b> <b>CCCD:054176001102</b>	<b>Cộng</b>							385,3	385,3	0				
	Năm sinh: 1976	<b>Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m<sup>2</sup>):</b>							<b>2. Nhà, vật kiến trúc</b>				<b>763.438.170</b>		
	Địa chỉ thường trú:								- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, QĐ 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và VB 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa						
	Thôn Thủy Triều, Cam Lâm, Khánh Hòa	<b>Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:</b>													
	<b>SĐT: 0395323882</b>	<b>Các giấy tờ có liên quan:</b>													
	<b>Số nhân khẩu:</b>	1. Văn bản số 01/KH-PTQĐ ngày 11/07/2025 của Trung tâm PTQĐ Cam Lâm Kế hoạch về việc triển khai thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm							Nhà mái tôn, kèo gỗ, không trần, tường gạch 100 son nước, nền gạch men, cửa nhôm kính, hệ vệ sinh hoàn chỉnh	m <sup>2</sup>	79,64	4.201.120	110%	368.034.916	Điều chỉnh đơn giá với hệ số son nước 1,12; tăng 10% hệ vệ sinh hoàn chỉnh
		3. Thông báo số 14/TB-UBND ngày 21/07/2025 của UBND xã Cam Lâm về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm tại xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà.							(10,8*4,1)+(2,6*8,8)+(2,4*5,2)						
		4. Ông Hồ Xuân Phú và bà Lê Thị Xinh đã nhận được thông báo thu hồi đất và đồng ý ký nhận vào biên bản kiểm kê số 06/BBKK-T02 ngày 30/07/2025.							(STT 1.1, Mục A, PL kèm Theo QĐ 08/2026)						
		- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất : + GCNQSD đất số CH00914 cấp ngày 07/11/2014 cho ông Hồ Xuân Phú và bà Lê Thị Xinh Theo bản đồ địa chính tờ số 16 thửa số 72 tương ứng với tờ số 73 thửa số 133 theo bản đồ trích đo dự án.							Nền ốp gạch men diện tích (10,8*4,1)+(2,6*8,8)+(2,4*5,2)	m <sup>2</sup>	79,64	481.600	100%	38.354.624	
		- Biên bản họp lúc 14h 30 phút và kết thúc 17h 30 phút ngày 24/9/2025 với sự tham gia của Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực Cam Lâm, Phòng kinh tế xã Cam Lâm, Thôn trưởng Thủy Triều thông qua nguồn gốc đất cho ông Hồ Xuân Phú và bà Lê Thị Xinh (STT7).							Mái hiên lợp tôn, kèo gỗ, trụ BTCT, nền gạch men (2,4*4,2) (STT5, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m <sup>2</sup>	10,08	1.464.101	110%	16.233.952	Tăng 10% do nền lát gạch men
		- Hiện sử dụng ổn định không tranh chấp.							Mái hiên lợp tôn, kèo sắt, trụ BTCT, nền gạch men (4,3*2,6) (STT5, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m <sup>2</sup>	11,18	1.464.101	110%	18.005.514	Tăng 10% do nền lát gạch men
		- Tình trạng sản xuất : Trục tiếp sản xuất nông nghiệp và có thu nhập từ thửa đất bị thu hồi.							Mái che cột kèo sắt, mái lợp tôn, nền láng XM (6,9*6,4) (STT4, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m <sup>2</sup>	44,16	1.259.097	100%	55.601.724	
									Bàn Thiên xây gạch (0,4*0,2*1,2) (STT68,	m <sup>3</sup>	0,096	9.247.130	100%	887.724	

			mục C, PL kèm theo QĐ 08/2026)						
			Mái che lợp tôn, kèo sắt, Trụ BTCT + trụ sắt, nền XM, vách xây gạch taplo cao 1m, không tô (6,5*2,4)+(4,2*3,8) (STT5, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m2 XD	31,56	1.464.101	110%	50.827.730	Tăng 10% do có vách xây gạch taplo
			Nền BT đá(1*2) (4,6*5) (STT17, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m2	23	230.583	100%	5.303.409	
			Nền XM có BT lót (5*1,2)+(2*4,8)+(2,3*1,3)+(2*5) (STT17, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m2	28,59	230.583	100%	6.592.368	
			Công trụ xây gạch vuông 0,3 sơn nước, cửa khung sắt + lưới B40 cao 1,5m dài 2,6m ( STT13, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m dài	2,6	3.855.960	95%	9.524.221	Giảm 10% do cửa khung sắt + lưới B40, tăng 5% do có sơn nước
			Hàng rào xây gạch trụ BTCT vuông 0,3, sơn nước lưới B40 cao 1,5m dài 13,8m (STT66.2, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m dài	13,8	1.263.233	95%	16.560.985	Giảm 10% không móng, tăng 5% do có sơn nước
			Hàng rào trụ BTCT+ lưới B40 cao1,5m dài 25,2m (STT11.1, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m dài	25,2	537.955	100%	13.556.466	
			Trại mái tôn, cột kèo gỗ nền đất vách tôn+ bêt (2,8*2,8) ( STT2.1, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m2 XD	7,84	409.513	110%	3.531.640	Tăng 10% do vách tôn + bêt
			Di dời công tơ điện 1 pha (STT 8, Mục B, PL3 QĐ12/2026)	cái	1	2.315.720	100%	2.315.720	
			Di dời cụm đồng hồ nước D.21 (STT 1, Mục B, PL3 QĐ12/2026)	cụm	1	2.345.636	100%	2.345.636	
			Internet		1	-	100%		- Chờ bổ sung đơn giá bồi thường
			Công trình vật kiến trúc của	m2	21,25	4.434.043	110%	103.645.755	Điều chỉnh đơn

		bà Hồ Lê Xuân Quý trên đất ông Hồ Xuân Phú - Nhà mái tôn, kèo sắt, trần thạch cao, tường gạch 100 son nước, cửa nhôm kính, nền gạch men, hệ vệ sinh hoàn chỉnh (2,1*2,5)+(4*4) (STT 2.1, mục A, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026)	XD					giá với hệ số son nước 1,12; tăng 10% hệ vệ sinh hoàn chỉnh
		PL kèm Theo QĐ 08/2026) Nền ốp gạch men diện tích : (10,8*4,1)+(2,6*8,8)+(2,4*5,2) (STT 37, mục A, phụ lục I kèm theo QĐ 12/2026)	m2	21,25	481.600	100%	10.234.000	
		Mái hiên lợp tôn, cột kèo sắt, trụ BTCT, nền gạch men (1,3*4)+(1,8*2,5)+(2,2*4) (STT5.1, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m2 XD	18,5	1.464.101	110%	29.794.455	Tăng 10% do nền lát gạch men
		Mái che lợp tôn, cột kèo sắt, nền XM(2,4*4) (STT4, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m2 XD	9,6	1.259.097	100%	12.087.331	
		<b>3. Cây trồng</b>					<b>18.869.000</b>	
		<i>- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 32/2024/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa</i>						
		Xoài ghép Loại C	cây	8	1.500.000	100%	12.000.000	
		Dừa bung Loại A	cây	1	964.000	100%	964.000	
		Dừa xiêm 1 năm (Vượt mật độ	cây	10	312.000	0%	-	
		Mai Loại A	cây	2	158.000	100%	316.000	
		Mai Loại C	cây	3	132.000	100%	396.000	
		Mãng cầu Loại A	cây	1	744.000	100%	744.000	
		Mít Loại A	cây	1	987.000	100%	987.000	
		Đu đủ Loại C (Vượt mật độ)	cây	1	79.000	0%	-	
		Quất Loại A	cây	1	240.000	100%	240.000	
		Xạ đen Loại A ( giá cây đỉnh lăng)	cây	1	118.000	100%	118.000	
		Bông lá, huyết dụ Loại A	m2	4	138.000	100%	552.000	
		Mít 1 năm (Vượt mật độ)	cây	10	199.000	0%	-	
		Mãng cầu 1 năm (Vượt mật độ	cây	10	138.000	0%	-	
		Lưỡi hổ Loại C (giá cây Huyết dụ)	m2	5	115.000	100%	575.000	



	3. Thông báo số 14/TB-UBND ngày 21/07/2025 của UBND xã Cam Lâm về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm tại xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà.	2. Mái che lợp tôn, cột kèo sắt, nền gạch men (2,6x4,8) + (2,6x3,7) (STT4, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m2	22,1	1.259.097	110%	30.608.648	Tăng 10% do có nền gạch men
	4. Bà Đinh Thị Kim Phượng đã nhận được thông báo thu hồi đất và đồng ý ký nhận vào biên bản kiểm kê số 134/BBKK-T2 ngày 22/9/2025.							
	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: + GCNQSD đất số CS00632 cấp ngày 12/6/2019 cho bà Đinh Thị Kim Phượng theo bản đồ địa chính tờ số 22 thửa số 271 tương ứng với tờ số 79 thửa số 22 theo bản đồ trích đo dự án.	3. Mái che lợp tôn, cột kèo sắt, nền xi măng (68,1m2) (STT4, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m2	68,1	1.259.097	100%	85.744.506	
	- Giấy xác nhận số 28/GXN-CNKVCL ngày 03/02/2026 của UBND xã Cam Lâm về xác nhận : Nguồn gốc đất cho bà Đinh Thị Kim Phượng.	4. Cổng trụ gạch cánh sắt hộp dài 3,8m, cao 2,5m (STT13, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	3,8	3.855.960	100%	14.652.648	
	- Hiện sử dụng ổn định không tranh chấp.							
	- Tình trạng sản xuất: Trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có thu nhập từ thửa đất bị thu hồi.							
		5. Tường xây gạch sơn nước cao 1,6m, móng đá chẻ dài 2m (STT9.2, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	2	1.223.096	105%	2.568.502	Tăng thêm 5% do tường sơn nước
		6. Hàng rào lưới B40, trụ bê tông cao 1,5m dài 16m (STT11.1, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	16	537.955	100%	8.607.280	
		7. Đồng hồ điện 1 pha (STT8, mục B, phụ lục III kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND)	cái	1	2.315.720	100%	2.315.720	
		8. Giếng khoan đường kính 60, sâu 8,5m (STT25, mục C	m sâu	8,5	911.903	100%	7.751.176	



	<b>Các giấy tờ có liên quan:</b>								
	1. Văn bản số 01/KH-PTQĐ ngày 11/07/2025 của Trung tâm PTQĐ Cam Lâm Kế hoạch về việc triển khai thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm	1. Nhà mái tôn, nền gạch men, tường xây gạch 100 son nước, laphong tôn, cửa tôn,kèo sắt (6,2x12,2)	m2 XD	75,64	4.915.643	100%	371.819.237	Tăng hệ số 1,12 do tường son nước ( VB số 2093/SXD-KTVLXD) + đơn giá gạch men theo hướng dẫn tại điểm 3 mục I phụ lục kèm theo công văn số 2903)	
	2. Biên bản họp dân ngày 12/07/2025 và ngày 14/07/2025. Tổ chức họp dân, phổ biến và tiếp nhận ý kiến để xây dựng kế hoạch thông báo thu hồi đất thuộc dự án Khu đô thị mới Cam Lâm, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.	(STT2.1, mục A phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND và STT37, mục A, phụ lục I kèm theo QĐ12/2026 QĐ-UBND: đơn giá 481.600 đ)							
	3. Thông báo số 14/TB-UBND ngày 21/07/2025 của UBND xã Cam Lâm về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm tại xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà.								
	4. Bà Võ Thị Huyền Tầm đã nhận được thông báo thu hồi đất và đồng ý ký nhận vào biên bản kiểm kê số 138/BBKK-T2 ngày 23/9/2025.	2. Mái che lợp tôn, nền gạch men, trụ gạch son nước, kèo sắt (2x12,2)	m2	24,4	1.464.101	112%	40.010.952	Tăng 12% do nền gạch men và son nước	
	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất : + GCNQSD đất số CH09029 cấp ngày 20/12/2017 cho bà Võ Thị Huyền Tầm theo bản đồ địa chính tờ số 18 thửa số 51 tương ứng với tờ số 75 thửa số 51 theo bản đồ trích đo dự án.	(STT5, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)							
	- Giấy xác nhận số 25/GXN-CNKVCL ngày 03/02/2026 của UBND xã Cam Lâm về xác nhận : Nguồn gốc đất cho bà Võ Thị Huyền Tầm.	3. Mái che lợp tôn, cột kèo sắt, nền xi măng (12,2x12,2)	m2	148,84	1.259.097	100%	187.403.997		
	- Hiện sử dụng ổn định không tranh chấp.	(STT4, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)							
	- Tình trạng sản xuất: Trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có thu nhập từ thửa đất bị thu hồi.	4. Nhà vệ sinh độc lập có hầm tự hoại, tường xây gạch, mái tôn, nền gạch men, cửa tôn (2x3)	m2 XD	6	6.960.234	105%	43.849.474	Tăng 5% do có nền gạch men	
		(STT7, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)							
		5. Chuồng trại mái tôn, cột kèo sắt, nền đất, vách lưới B40 (12x12)	m2	144	1.259.097	100%	181.309.968	Giảm 5% nền đất, tăng 5% vách lưới B40	
		(STT4, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)							
		6. Giếng nước buy đúc	m sâu	12	2.180.674	85%	22.242.875	Giảm 15% do	

			đường kính 1m, sâu 6m (2 cái (STT21, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)						đường kính buy 1,0m	
			7. Giếng khoan đường kính 60, sâu 12m (STT25, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m sâu	12	-	0%		- Chờ đơn giá	
			8. Tường rào xây gạch taplo cao 0,4m trụ bê tông cốt thép + lưới B40 cao 1,5m, dài 102m (STT66.2, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	102	1.263.233	100%	128.849.766	Giảm 15% do không móng, tường cao 0,4m, không tô trát quét	
			<b>3. Cây trồng</b>					<b>18.056.000</b>		
			<i>- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 32/2024/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa</i>							
			1. Dừa xiêm 4 năm	cây	16	958.000	100%	15.328.000		
			2. Dừa xiêm 1 năm	cây	2	312.000	100%	624.000		
			2'. Dừa xiêm 1 năm (vượt mật độ)	cây	8	312.000	0%	-		
			3. Xoài ghép Loại C	cây	1	1.500.000	100%	1.500.000		
			4. Xoài ghép 2 năm	cây	2	302.000	100%	604.000		
			<b>4. Các chính sách hỗ trợ</b>					<b>201.706.200</b>		
			<b>- Mức hỗ trợ bằng hình thức theo phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:</b> Sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung khi hộ dân có nhu cầu.							
			Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	1245,1	162.000	100%	201.706.200		
			<i>- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.</i>							
			<i>- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa:</i>							
			<i>* Đất CLN Vị trí 1: 54.000 đ/m<sup>2</sup> x 3 lần = 162.000 đ/m<sup>2</sup>.</i>							
			<b>5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất</b>							

			Thu hồi 01 GCNQSD đất số CH09029											
<b>4</b>	<b>Họ và tên:</b>	<b>Chi tiết các thửa đất</b>					<b>1. BT về đất</b>				<b>3.287.604.930</b>	<b>6.840.099.917</b>		
	<b>Bà: Ngô Thị Hoàng</b> <b>CCCD:056180010204</b>	Thôn thủy Triều, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà					Đất trồng cây lâu năm;	m <sup>2</sup>	3694,1	889.961	100%	3.287.604.930		
	Năm sinh: 1980	<b>Bản đồ trích đo</b>		<b>Bản đồ địa chính</b>		<b>Loại đất</b>	<b>Vị trí</b>	<b>TổngDT (m<sup>2</sup>)</b>	<b>DTthu hồi (m<sup>2</sup>)</b>	<b>DT còn lại (m<sup>2</sup>)</b>	- Đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024. - Đơn giá bồi thường đất áp dụng theo VB số 1953/PKT ngày 30/03/2026 của UBND xã Cam Lâm về cung cấp phương án giá đất cụ thể tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm, cụ thể: + Đơn giá bồi thường đất CLN từ 76 thửa 70 vị trí 1: 889.961 đồng/m <sup>2</sup> ;			
	Địa chỉ thường trú:	<b>Số tờ</b>	<b>Số thửa</b>	<b>Số tờ</b>	<b>Số thửa</b>									
	Thôn tân Hải, xã Cam Lâm													
	<b>SĐT: 0946833016</b>	76	70	7	143	CLN	Vị trí 1	3.694,1	3.694,1	-				
	<b>Số nhân khẩu:</b>	<b>Cộng</b>							3.694,1	3.694,1			0	<b>2. Nhà, vật kiến trúc</b>
		<b>Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m<sup>2</sup>):</b>									-	- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, QĐ 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và VB 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa		
		<b>Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:</b>									-			
		<b>Các giấy tờ có liên quan:</b>					1. Bê xây gạch có tô trát,		m <sup>3</sup>	4,316	3.084.438	100%	13.312.434	
		1. Văn bản số 01/KH-PTQĐ ngày 11/07/2025 của Trung tâm PTQĐ Cam Lâm Kế hoạch về việc triển khai thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm					thành dày 20 sâu 0,8m (2,8x5,7) (STT37, Mục C phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)							
		2. Biên bản họp dân ngày 12/07/2025 và ngày 14/07/2025. Tổ chức họp dân, phổ biến và tiếp nhận ý kiến để xây dựng kế hoạch thông báo thu hồi đất thuộc dự án Khu đô thị mới Cam Lâm, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.					2. Trại mái tole, cột kèo sắt, tường xây gạch cao 1,2m + vách tole cao 1,6m, nền xếp gạch hoa không lót xi măng, không mạch vữa, cửa khung sắt, tole (30,5x9,1) (STT88.6,mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)		m <sup>2</sup>	277,55	1.895.817	115%	605.111.610	Tăng 15% do có vách tôn, nền gạch hoa, của
		3. Thông báo số 14/TB-UBND ngày 21/07/2025 của UBND xã Cam Lâm về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm tại xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà.												
		4. Bà Ngô Thị Hoàng đã nhận được thông báo thu hồi đất và đồng ý ký nhận vào biên bản kiểm kê số 159/BBKK-T2 ngày 03/10/2025.												
		- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất : + GCNQSD đất số 770QSĐĐ/X.CHĐ.TXCR cấp ngày 01/02/2010 cho bà Ngô Thị Hoàng theo bản đồ địa chính tờ số 07 thửa số 143 tương ứng với tờ số 76 thửa số 70 theo bản đồ trích đo dự án.					3. Chuồng tường xây gạch taplo không tô cao 0,9m mái lợp tole, cột kèo sắt, nền xi măng, cửa khung sắt + lưới B40 (12x28) + (6,1x24,2) (STT87.4,		m <sup>2</sup>	483,62	2.142.038	100%	1.035.932.418	
		- Giấy xác nhận số 23/GXN-CNKVCL ngày 03/02/2026 của UBND xã Cam Lâm về xác nhận : Nguồn gốc đất cho bà Ngô Thị Hoàng.												

		- Hiện sử dụng ổn định không tranh chấp.	mục C, phụ lục kèm theo						
		- Tình trạng sản xuất: Trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có thu nhập từ thửa đất bị thu hồi.	QĐ 08/2026/QĐ-UBND)						
			4. Cổng trụ xây gạch taplo không tô, cánh khung sắt + lưới B40 cao 1,8m dài (3,4m+2,8m) (STT13, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	6,2	3.855.960	90%	21.516.257	Giảm 10% do cánh khung sắt + lưới B40
			5. Tường rào xây gạch tô xi măng cao 0,6m + lưới B40 cao 1,4m trụ bê tông cốt thép dài 222m (STT66.2, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	222	1.263.233	85%	238.372.067	Giảm 10% không móng, giảm 5% không quét vôi
			6. Bể chứa nước xây gạch tô xi măng trên có mái che lợp tole, cột kèo sắt, thành bể dày 0,2 sâu 1,2m (4,3x4,5) (STT37, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026)	m3	6,159	3.084.438	110%	20.896.759	Tăng 10% do có mái che, cột kèo sắt
			7. Mái che lợp tole, cột kèo sắt, nền gạch men, không lót xi măng, không mạch vữa: 78,23m2 (STT4, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m2	78,23	1.259.097	110%	108.349.074	Tăng 10% do nền gạch men
			8. Trại tường xây gạch 100 tô xi măng, mái tole, kèo sắt, nền gạch men, cửa khung sắt + tole (5,9 x 12,1) (STT14.1, mục A, phụ lục kèm theo QĐ	m2	71,39	2.649.720	100%	189.163.511	Tăng 10% do nền gạch men

			08/2026/QĐ-UBND)						
			9. Trại mái tole cột kèo sắt, tường xây gạch taplo không tô cao 1,4m + tole cao 1,6m nền gạch men không lót xi măng không mạch vữa, cửa khung sắt + lưới B40 (5x20) (STT14.1, mục A, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m2	100	2.649.720	100%	264.972.000	Tăng 10% do nền gạch men, giảm 10% do tường tô
			10. Chuông trại mái tole, kèo sắt, cột gỗ, tường xây gạch taplo cao 1,2m trát xi măng 1 mặt, nền đất, cửa khung sắt + lưới B40 (5,6x30,4) (STT88.7, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m2	170,24	1.742.834	100%	296.700.060	
			11. Công trụ xây gạch taplo (1mx1m) cánh khung sắt + lưới B40 cao 2m dài 5,4m (STT13, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	5,4	3.855.960	90%	18.739.966	Giảm 10% do cánh khung sắt + lưới B40
			12. Hàng rào lưới B40 + trụ bê tông cốt thép cao 1,5m dài (35+17)m (STT11.1, mục A, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	52	537.955	100%	27.973.660	
			13. Chuông xây gạch taplo không tô cao 0,6 + lưới B40 cao 1,5m mái lợp tole, cột kèo sắt, nền gạch men không lót xi măng không	m2	30,16	1.895.817	100%	57.177.841	Tăng 10% do nền gạch men

			mạch vữa (5,2x5,8), cửa khung sắt + tole (STT88.6, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)							
			14. Nhà vệ sinh độc lập tường xây gạch tô xi măng, mái lợp tole, kèo sắt, nền gạch men (2x2,2) (STT7, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m2 XD	4,4	6.960.234	105%	32.156.281	Tăng 5% do có nền gạch men	
			15. Tường xây gạch taplo không tô cao 0,4 dài 11,9m (STT51, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m3	0,476	1.438.758	100%	684.849		
			16. Giếng khoan đường kính 90 sâu 20m (2 cái  (STT29, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m sâu	-	-	0%	-	Chờ đơn giá	
			<b>3. Cây trồng</b>					<b>22.992.000</b>		
			<i>- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 32/2024/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa</i>							
			1. Keo 11 năm	cây	21	194.000	100%	4.074.000		
			2. Keo 3 năm	cây	112	66.000	100%	7.392.000		
			3. Keo 2 năm	cây	226	51.000	100%	11.526.000		
			<b>4. Các chính sách hỗ trợ</b>					<b>598.444.200</b>		
			<b>- Mức hỗ trợ bằng hình thức theo phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:</b> Sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung khi hộ dân có nhu cầu.							
			Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	3694,1	162.000	100%	598.444.200		
			<i>- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.</i>							
			<i>- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa.</i>							
			<i>Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của</i>							

			UBND tỉnh Khánh Hòa:											
			* Đất CLN Vị trí 1: 54.000 đ/m <sup>2</sup> x 3 lần = 162.000 đ/m <sup>2</sup> .											
			<b>5. Thu hồi chỉnh lý GCNQSD đất</b>											
			Thu hồi 01 GCN QSD đất số: 770QSDD/X.CHĐ.TXCR											
<b>5</b>	<b>Họ và tên:</b>	<b>Chi tiết các thửa đất</b>						<b>1. BT về đất</b>	<b>490.101.523</b>	<b>630.764.828</b>				
	<b>Ông: Phan Tấn Trục</b>	Thôn Thủy Triều, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà						Đất trồng cây hàng năm	m <sup>2</sup>	550,7	889.961	100%	490.101.523	
	<b>CCCD:056080000522</b>							khác; 75/49; (Thôn Thủy						
	Năm sinh: 1980	<b>Bản đồ trích đo</b>		<b>Bản đồ địa chính</b>		<b>Loại đất</b>	<b>Vị trí</b>	<b>TổngDT (m<sup>2</sup>)</b>	<b>DTthu hồi (m<sup>2</sup>)</b>	<b>DT còn lại (m<sup>2</sup>)</b>	- Đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024. - Đơn giá bồi thường đất áp dụng theo VB số 1953/PKT ngày 30/03/2026 của UBND xã Cam Lâm về cung cấp phương án giá đất cụ thể tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm, cụ thể: + Đơn giá bồi thường đất BHK từ 79 thửa 32 vị trí 1: 889.961 đồng/m <sup>2</sup> ;			
	Địa chỉ thường trú:	<b>Số tờ</b>	<b>Số thửa</b>	<b>Số tờ</b>	<b>Số thửa</b>									
	Thôn Tân Hải, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa													
	<b>SĐT: 0914253218</b>	75	49	18	49	BHK	Vị trí 1	550,7	550,7	-				
	<b>Số nhân khẩu:</b>	<b>Cộng</b>						550,7	550,7	0				
		<b>Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m<sup>2</sup>):</b>									<b>2. Nhà, vật kiến trúc</b>	<b>48.953.905</b>		
		<b>Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:</b>									- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, QĐ 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và VB 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa			
		<b>Các giấy tờ có liên quan:</b>												
		1. Văn bản số 01/KH-PTQĐ ngày 11/07/2025 của Trung tâm PTQĐ Cam Lâm Kế hoạch về việc triển khai thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm						1. Hàng rào lưới B40 cao 1,5m, trụ sắt đường kính 42, không móng dài 69m (STT11.1, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	69	537.955	100%	37.118.895	
		2. Biên bản họp dân ngày 12/07/2025 và ngày 14/07/2025. Tổ chức họp dân, phổ biến và tiếp nhận ý kiến để xây dựng kế hoạch thông báo thu hồi đất thuộc dự án Khu đô thị mới Cam Lâm, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.						2. Hàng rào lưới B40 cao 1,5m, trụ sắt đường kính 42, móng xây gạch taplo dài 22m (STT11.1, mục C phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	22	537.955	100%	11.835.010	Tăng 5% do có móng xây gạch taplo
		3. Thông báo số 14/TB-UBND ngày 21/07/2025 của UBND xã Cam Lâm về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm tại xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà.												
		4. Ông Phan Tấn Trục đã nhận được thông báo thu hồi đất và đồng ý ký nhận vào biên bản kiểm kê số 173/BBKK-T2 ngày 17/10/2025.												
		- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất : + GCNQSD đất số CN03270 cấp ngày 21/02/2024 cho ông Phan Tấn Trục theo bản đồ địa chính tờ số 18 thửa số 49 tương ứng với tờ số 75 thửa số 49 theo bản đồ trích đo dự án.									<b>3. Cây trồng</b>			<b>2.496.000</b>
								- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 32/2024/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa						
								1. Dừa xiêm 1 năm	cây	8	312.000	100%	2.496.000	
								1'. Dừa xiêm 1 năm (vượt	cây	53	312.000	0%	-	



		3. Thông báo số 14/TB-UBND ngày 21/07/2025 của UBND xã Cam Lâm về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm tại xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà.	2. Hàng rào lưới B40 cao 1,5m, trụ sắt đường kính 42, móng xây gạch taplo dài 25m (STT11.1, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	25	537.955	100%	13.448.875	Tăng 5% do có móng xây gạch taplo	
		4. Ông Lê Văn Thịnh đã nhận được thông báo thu hồi đất và đồng ý ký nhận vào biên bản kiểm kê số 174/BBKK-T2 ngày 17/10/2025.								
		- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: + GCNQSD đất số CH01548 cấp ngày 21/11/2011 cho ông Nguyễn Ngọc Phương và bà Phan Thị Láng theo bản đồ địa chính tờ số 18 thửa số 53 tương ứng với tờ số 75 thửa số 53 theo bản đồ trích đo dự án.	<b>3. Cây trồng</b>						<b>4.698.000</b>	
		- Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 7748, quyển số 05/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/12/2022 tại Văn phòng Công chứng Lê Quang Bắc, địa chỉ: Thôn Tân Hải, xã Cam Hải Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.	- <i>Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 32/2024/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa</i>							
		- Giấy xác nhận số 18/GXN-CNKVCL ngày 03/02/2026 của UBND xã Cam Lâm về xác nhận: Nguồn gốc đất cho ông Nguyễn Ngọc Phương và bà Phan Thị Láng.	1. Dừa xiêm 2 năm	cây	9	522.000	100%	4.698.000		
		- Hiện sử dụng ổn định không tranh chấp.	1'. Dừa xiêm 2 năm (vượt mật độ)	cây	55	522.000	0%	-		
		- Tình trạng sản xuất: Trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có thu nhập từ thửa đất bị thu hồi.	<b>4. Các chính sách hỗ trợ</b>							<b>101.136.600</b>
			- <b>Mức hỗ trợ bằng hình thức theo phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:</b> Sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung khi hộ dân có nhu cầu.							
			Đất trồng cây hàng năm	m <sup>2</sup>	624,3	162.000	100%	101.136.600		
			- <i>Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.</i>							
			- <i>Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa:</i>							
			* <i>Đất HNK Vị trí 1: 54.000 đ/m<sup>2</sup> x 3 lần = 162.000 đ/m<sup>2</sup>.</i>							
			<b>5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất</b>							
			Thu hồi 01 GCNQSD đất số: CH01548.							
<b>7</b>	<b>Họ và tên:</b>	<b>Chi tiết các thửa đất</b>	<b>1. BT về đất</b>					<b>625.820.575</b>	<b>933.070.753</b>	
	<b>Ông: Nguyễn Ngọc Phương</b>	Thủy Triều, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà	Đất trồng cây hàng năm khác; 75/57; (Thôn Thủy Triều)	m <sup>2</sup>	703,2	889.961	100%	625.820.575		
	<b>CCCD:056056004998</b>		- <i>Đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.</i>							
	Năm sinh: 1956		- <i>Đơn giá bồi thường đất áp dụng theo VB số 1953/PKT ngày 30/03/2026 của UBND xã Cam Lâm về cung cấp phương án giá đất cụ thể tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm, cụ thể:</i>							
	Địa chỉ thường trú: Thôn Thủy Triều - Xã Cam Lâm		+ <i>Đơn giá bồi thường đất HNK tờ 75 thửa 57 vị trí 1: 889.961 đồng/m<sup>2</sup>;</i>							
	<b>Bà: Phan Thị Láng</b>		<b>2. Nhà, vật kiến trúc</b>					<b>188.111.778</b>		
	<b>CCCD:056158006603</b>									
		<b>Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m<sup>2</sup>):</b>								

Năm sinh: 1958		- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, QĐ 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và VB 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa						
Địa chỉ thường trú:								
Thùy Triều - Cam Lâm	<b>Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:</b>	-						
<b>SDT: 0914253218</b>	<b>Các giấy tờ có liên quan:</b>							
<b>Số nhân khẩu:</b>	1. Văn bản số 01/KH-PTQĐ ngày 11/07/2025 của Trung tâm PTQĐ Cam Lâm Kế hoạch về việc triển khai thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm	1. Hàng rào lưới B40 cao 1,5m, trụ sắt đường kính 42, không móng dài (108-20)m (STT11.1, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	88	537.955	100%	47.340.040	
	2. Biên bản họp dân ngày 12/07/2025 và ngày 14/07/2025. Tổ chức họp dân, phổ biến và tiếp nhận ý kiến để xây dựng kế hoạch thông báo thu hồi đất thuộc dự án Khu đô thị mới Cam Lâm, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.	2. Mái che lợp tôn, cột kèo sắt, nền xi măng (3,5x4) (STT4, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m2	14	1.259.097	100%	17.627.358	
	3. Thông báo số 14/TB-UBND ngày 21/07/2025 của UBND xã Cam Lâm về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm tại xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.	3. Nhà mái lợp tôn không trần cột kèo sắt tường xây gạch 100 sơn lãn, nền gạch men cửa khung sắt +tôn (4x6) (STT1.1, mục A, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND và STT37, mục A, phụ lục I kèm theo QĐ 12/QĐ-UBND: đơn giá 481.600 VNĐ)	m2	24	4.682.720	100%	112.385.280	Tầng 1,12 do có son nước
	4. Ông Lê Văn Thịnh đã nhận được thông báo thu hồi đất và đồng ý ký nhận vào biên bản kiểm kê số 175/BBKK-T2 ngày 17/10/2025.							
	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: + GCNQSD đất số CH01561 cấp ngày 21/11/2011 cho ông Nguyễn Ngọc Phương và bà Phan Thị Láng theo bản đồ địa chính tờ số 18 thửa số 57 tương ứng với tờ số 75 thửa số 57 theo bản đồ trích đo dự án.							
	- Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 7748, quyền số 05/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/12/2022 tại Văn phòng Công chứng Lê Quang Bắc, địa chỉ: Thôn Tân Hải, xã Cam Hải Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.							
	- Giấy xác nhận số 32/GXN-CNKVCL ngày 03/02/2026 của UBND xã Cam Lâm về xác nhận: Nguồn gốc đất cho ông Nguyễn Ngọc Phương và bà Phan Thị Láng.	4. Hàng rào lưới B40 cao 1,5m, trụ sắt đường kính 42, móng xây gạch taplo dài 20m (STT11.1, mục C phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	20	537.955	100%	10.759.100	
	- Hiện sử dụng ổn định không tranh chấp.							
	- Tình trạng sản xuất: Trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có thu nhập từ thửa đất bị thu hồi.							
		<b>3. Cây trồng</b>					<b>5.220.000</b>	
		- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 32/2024/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa						
		1. Dừa xiêm 2 năm	cây	10	522.000	100%	5.220.000	

										1'. Dừa xiêm 2 năm (vượt mật độ)	cây	62	522.000	0%	-			
										<b>4. Các chính sách hỗ trợ</b>					<b>113.918.400</b>			
										<b>- Mức hỗ trợ bằng hình thức theo phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:</b> Sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung khi hộ dân có nhu cầu.								
										Đất trồng cây hàng năm	m <sup>2</sup>	703,2	162.000	100%	113.918.400			
										<i>- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.</i>								
										<i>- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa.</i>								
										<i>Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa:</i>								
										<i>* Đất HNK Vị trí 1: 54.000 đ/m<sup>2</sup> x 3 lần = 162.000 đ/m<sup>2</sup>.</i>								
										<b>5. Thu hồi chỉnh lý GCNQSD đất</b>								
										<i>Thu hồi 01 GCNQSD đất số: CH01561</i>								
<b>8</b>	<b>Họ và tên:</b>	<b>Chi tiết các thửa đất</b>								<b>1. BT về đất</b>					<b>308.638.475</b>	<b>1.095.710.711</b>		
	<b>Ông: Trần Nhật Lâm</b> <b>CCCD:056096004888</b>	Thôn Thủy Triều, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà								Đất trồng cây hàng năm khác; 79/65; (Thôn Thủy Triều)					308.638.475			
	Năm sinh: 1996	<b>Bản đồ trích đo</b>	<b>Bản đồ địa chính</b>	<b>Loại đất</b>	<b>Vị trí</b>	<b>TổngDT (m<sup>2</sup>)</b>	<b>DTthu hồi (m<sup>2</sup>)</b>	<b>DT còn lại (m<sup>2</sup>)</b>		<i>- Đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.</i>								
	Địa chỉ thường trú:									<i>- Đơn giá bồi thường đất áp dụng theo VB số 1953/PKT ngày 30/03/2026 của UBND xã Cam Lâm về cung cấp phương án giá đất cụ thể tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm, cụ thể:</i>								
	Thôn Thủy Triều, xã Cam Lâm	<b>Số tờ</b>	<b>Số thửa</b>	<b>Số tờ</b>	<b>Số thửa</b>					<i>+ Đơn giá bồi thường đất BHK tờ 79 thửa 65 vị trí 1: 889.961 đồng/m<sup>2</sup>;</i>								
	<b>SĐT: 0355382472</b>	79	65	22	119	BHK	Vị trí 1	346,8	346,8	-								
	<b>Số nhân khẩu:</b>	<b>Cộng</b>							346,8	346,8	0							
		<b>Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m<sup>2</sup>):</b>									<b>2. Nhà, vật kiến trúc</b>					<b>723.658.636</b>		
											<i>- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, QĐ 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và VB 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa</i>							
		<b>Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:</b>																
		<b>Các giấy tờ có liên quan:</b>																
		1. Văn bản số 01/KH-PTQĐ ngày 11/07/2025 của Trung tâm PTQĐ Cam Lâm Kế hoạch về việc triển khai thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm								1. Nhà mái lợp tole, tường gạch 100 sơn nước, nền gạch men, hệ vệ sinh hoàn chỉnh, kèo sắt, cửa sắt kéo		m <sup>2</sup>	66,5	4.201.120	110%	307.311.928	Tăng hệ số 1,12 do có sơn nước ở VB 2093/SXD-KTVLXD, tăng 10% do có hệ vệ sinh hoàn	
		2. Biên bản họp dân ngày 12/07/2025 và ngày 14/07/2025.								(5x13,3) (STT1.1, mục A, phụ lục kèm theo QĐ								
		Tổ chức họp dân, phổ biến và tiếp nhận ý kiến để xây dựng kế hoạch thông báo thu hồi đất thuộc dự án Khu đô thị mới Cam																

	Lâm, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.	08/2026/QĐ-UBND và						chính
	3. Thông báo số 14/TB-UBND ngày 21/07/2025 của UBND xã Cam Lâm về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm tại xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà.	STT37, mục A, phụ lục I kèm theo QĐ 12/QĐ-UBND: đơn giá 481.600VND)						
	4. Ông Trần Nhật Lâm đã nhận được thông báo thu hồi đất và đồng ý ký nhận vào biên bản kiểm kê số 147/BBKK-T2 ngày 25/9/2025.	1'.1 Diện tích sàn lát gạch men 5x13,3 (STT37, mục A, phụ lục I kèm theo QĐ 12/2026)	m2	66,5	481.600	100%	32.026.400	
	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất : + GCNQSD đất số CN678 cấp ngày 20/9/2024 cho ông Trần Nhật Lâm theo bản đồ địa chính tờ số 22 thửa số 119 tương ứng với tờ số 79 thửa số 65 theo bản đồ trích đo dự án.	2. Mái che lợp tole, cột kèo sắt, nền xi măng (5x3) (STT4, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m2	15	1.259.097	100%	18.886.455	
	- Giấy xác nhận số 24/GXN-CNKVCL ngày 03/02/2026 của UBND xã Cam Lâm về xác nhận : Nguồn gốc đất cho ông Trần Nhật Lâm.	3. Cổng trụ sắt, khung sắt + lưới B40 cao 2m, dài 3,2m (STT80, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m2	6,4	3.574.642	100%	22.877.709	
	- Hiện sử dụng ổn định không tranh chấp. - Tình trạng sản xuất: Trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có thu nhập từ thửa đất bị thu hồi.	4. Hàng rào xây gạch cao 0,4m, khung sắt hộp cao 1,5m (6,5+27,4+10+31+13+5-13-10) (STT10.2 mục C phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	69,9	2.084.068	98%	142.762.826	Giảm 10% do không có móng đá chẻ, giảm 2% do tường gạch xây cao 0,4m. Tăng 10% do khung sắt hộp cao 1,5m
		5. Chuồng gà mái lợp tole, cột kèo gỗ, nền xi măng vách xây gạch block (8x3,5) (STT88.9, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m2	28	1.521.224	100%	42.594.272	
		6. Nhà mái lợp tole, kèo sắt, tường 100 sơn nước, nền gạch men, cửa sắt (2,4x2,6) + (4,2 x 5,8)	m2	30,6	4.682.720	100%	143.291.232	Tăng hệ số 1,12 do có sơn nước ở VB 2093/SXD-KTVLXD

		(STT1.1, mục A, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND và STT37, mục A, phụ lục I kèm theo QĐ 12/QĐ-UBND: đơn giá 481.600VNĐ)						
		7. Mái che lợp tole, cột sắt, nền gạch men (4,2x1,2) (STT4, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m2	5,04	1.259.097	110%	6.980.434	Tăng 10% do nền gạch men
		8. Nền bê tông (4x5) (STT17, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m2	20	230.583	100%	4.611.660	
		9. Đồng hồ điện 01 pha (STT8, mục B, phụ lục III kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND)	cái	1	2.315.720	100%	2.315.720	
		<b>3. Cây trồng</b>					<b>7.232.000</b>	
		- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 32/2024/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa						
		1. Dừa xiêm Loại A	cây	2	1.588.000	100%	3.176.000	
		2. Xoài ghép Loại B	cây	2	1.876.000	100%	3.752.000	
		3. Sứ đại Loại A	cây	1	304.000	100%	304.000	
		<b>4. Các chính sách hỗ trợ</b>					<b>56.181.600</b>	
		- <b>Mức hỗ trợ bằng hình thức theo phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:</b> Sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung khi hộ dân có nhu cầu.						
		Đất trồng cây hàng năm	m <sup>2</sup>	346,8	162.000	100%	56.181.600	
		- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.						
		- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa.						
		Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa:						
		* Đất BHK Vị trí 1: 54.000 đ/m <sup>2</sup> x 3 lần = 162.000 đ/m <sup>2</sup> .						
		<b>5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất</b>						

			Thu hồi 01 GCNQSD đất số: CN678													
<b>9</b>	<b>Họ và tên:</b>	<b>Chi tiết các thửa đất</b>						<b>1. BT về đất</b>			<b>117.296.860</b>	<b>201.137.926</b>				
	<b>Ông: Trần Quán Thông</b>	Thôn Thủy Triều, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà						Đất trồng cây lâu năm;			m <sup>2</sup>	131,8	889.961	100%	117.296.860	
	<b>CCCD:056082010681</b>							- Đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.								
	Năm sinh: 1982	<b>Bản đồ trích đo</b>	<b>Bản đồ địa chính</b>	<b>Loại đất</b>	<b>Vị trí</b>	<b>TổngDT (m<sup>2</sup>)</b>	<b>DTthu hồi (m<sup>2</sup>)</b>	<b>DT còn lại (m<sup>2</sup>)</b>	- Đơn giá bồi thường đất áp dụng theo VB số 1953/PKT ngày 30/03/2026 của UBND xã Cam Lâm về cung cấp phương án giá đất cụ thể tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm, cụ thể:							
	Địa chỉ thường trú:								<b>Số tờ</b>	<b>Số thửa</b>	<b>Số tờ</b>	<b>Số thửa</b>	+ Đơn giá bồi thường đất CLN tờ 85 thửa 22 vị trí 1: 889.961 đồng/m <sup>2</sup> ;			
	Thủy Triều - Cam Lâm															
	<b>SĐT: 0906644510</b>	85	22	28	107	CLN	Vị trí 1	560,3	131,8	428,5	<b>2. Nhà, vật kiến trúc</b>			<b>59.467.466</b>		
	<b>Số nhân khẩu:</b>	<b>Cộng</b>							560,3	131,8	428,5					
		<b>Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m<sup>2</sup>):</b>									-					
		<b>Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:</b>									-					
		<b>Các giấy tờ có liên quan:</b>						1. Kè tường xây đá chề			m <sup>3</sup>	14,96	3.975.098	100%	59.467.466	
		1. Văn bản số 01/KH-PTQĐ ngày 11/07/2025 của Trung tâm PTQĐ Cam Lâm Kế hoạch về việc triển khai thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm						(0,2x2x17,4) + (0,4x10)								
		2. Biên bản họp dân ngày 12/07/2025 và ngày 14/07/2025.						(STT49, mục C								
		Tổ chức họp dân, phổ biến và tiếp nhận ý kiến để xây dựng kế hoạch thông báo thu hồi đất thuộc dự án Khu đô thị mới Cam Lâm, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.						phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)								
		3. Thông báo số 14/TB-UBND ngày 21/07/2025 của UBND xã Cam Lâm về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm tại xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà.						<b>3. Cây trồng</b>						<b>3.022.000</b>		
		4. Ông Trần Quán Thông đã nhận được thông báo thu hồi đất và đồng ý ký nhận vào biên bản kiểm kê số 194/BBKK-T2 ngày 30/10/2025.						- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 32/2024/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa								
		- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất :						1. Keo > 11 năm			cây	1	194.000	100%	194.000	
		+ GCNQSD đất số CH03129 cấp ngày 13/10/2021 cho ông Trần Quán Thông theo bản đồ địa chính tờ số 28 thửa số 107 tương ứng với tờ số 85 thửa số 22 theo bản đồ trích đo dự án.						2. Xoài ghép loại B (xoài Úc)			cây	1	1.876.000	100%	1.876.000	
		- Giấy xác nhận số 148/GXN-CNKVCL ngày 04/3/2026 của UBND xã Cam Lâm về xác nhận: Nguồn gốc đất cho ông Trần Quán Thông.						3. Dừa xiêm 1 năm			cây	1	312.000	100%	312.000	
		- Hiện sử dụng ổn định không tranh chấp.						3'. Dừa xiêm 1 năm (vượt mật độ)			cây	1	-	0%	-	
								4. Bông giấy loại C			cây	1	88.000	100%	88.000	
								5. Măng cầu 1 năm			cây	4	138.000	100%	552.000	
								5'. Măng cầu 1 năm (vượt mật độ)			cây	1	-	0%	-	
								<b>4. Các chính sách hỗ trợ</b>						<b>21.351.600</b>		
								<b>- Mức hỗ trợ bằng hình thức theo phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:</b> Sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung khi hộ dân có nhu cầu.								
								Đất trồng cây lâu năm			m <sup>2</sup>	131,8	162.000	100%	21.351.600	

		- Tình trạng sản xuất: Trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có thu nhập từ thửa đất bị thu hồi.					- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau. - Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa. Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa: * Đất CLN Vị trí 1: 54.000 đ/m <sup>2</sup> x 3 lần = 162.000 đ/m <sup>2</sup> .													
							<b>5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất</b>													
							Chính lý 01 GCNQSD đất số: CH03129													
<b>10</b>	<b>Họ và tên:</b>	<b>Chi tiết các thửa đất</b>					<b>1. BT về đất</b>					<b>2.356.844.194</b>	<b>4.466.619.568</b>							
	<b>Ông: Trần Minh Tuấn</b> <b>CCCD:052081002280</b>	Thôn Thủy Triều, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà					Đất nuôi trồng thủy sản; 80/14; (Thôn Thủy Triều)					m <sup>2</sup>	685,7	810.999	100%	556.102.014				
	Năm sinh: 1981 Địa chỉ thường trú: Thôn Thủy Triều, Cam Lâm, Khánh Hòa	<b>Bản đồ trích đo</b>	<b>Bản đồ địa chính</b>		<b>Loại đất</b>	<b>Vị trí</b>	<b>TổngDT (m<sup>2</sup>)</b>	<b>DTthu hồi (m<sup>2</sup>)</b>	<b>DT còn lại (m<sup>2</sup>)</b>	Đất nuôi trồng thủy sản; 80/11; (Thôn Thủy Triều)					m <sup>2</sup>	2220,4	810.999	100%	1.800.742.180	
		<b>Số tờ</b>	<b>Số thửa</b>	<b>Số tờ</b>						<b>Số thửa</b>	- <i>Đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.</i> - <i>Đơn giá bồi thường đất áp dụng theo VB số 1953/PKT ngày 30/03/2026 của UBND xã Cam Lâm về cung cấp phương án giá đất cụ thể tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm, cụ thể:</i> + <i>Đơn giá bồi thường đất NTS từ 80 thửa 14 vị trí 1: 810.999 đồng/m<sup>2</sup>;</i> + <i>Đơn giá bồi thường đất NTS từ 80 thửa 11 vị trí 1: 810.999 đồng/m<sup>2</sup>;</i>									
	<b>SĐT: 0968691818</b>	80	11	23	61	NTS	Vị trí 1	3548,9	2220,4	1328,5										
	<b>Số nhân khẩu:</b>	80	14	23	183	NTS	Vị trí 1	1855,2	685,7	1169,5										
		<b>Cộng</b>							5.404,1	2.906,1	2.498									
		<b>Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m<sup>2</sup>):</b>															-			
		<b>Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:</b>															-			
		<b>Các giấy tờ có liên quan:</b>																		
		1. Văn bản số 01/KH-PTQĐ ngày 11/07/2025 của Trung tâm PTQĐ Cam Lâm Kế hoạch về việc triển khai thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm																		
		2. Biên bản họp dân ngày 12/07/2025 và ngày 14/07/2025. Tổ chức họp dân, phổ biến và tiếp nhận ý kiến để xây dựng kế hoạch thông báo thu hồi đất thuộc dự án Khu đô thị mới Cam Lâm, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.																		
		3. Thông báo số 14/TB-UBND ngày 21/07/2025 của UBND xã Cam Lâm về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm tại xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà.																		
		4. Ông Trần Minh Tuấn đã nhận được thông báo thu hồi đất và đồng ý ký nhận vào biên bản kiểm kê số 208/BBKK-T2 ngày																		
							1. Nhà mái lợp tôn, trần thạch cao, tường xây gạch 100 sơn nước cửa nhôm xingfa, nền gạch men, móng đá chẻ, nhà vệ sinh hoàn chỉnh, cos nền 0,6m (5.1x3,6) + (3x5,1) + (3,6x5) + (3,1x5,1) (STT2.1, mục A					m <sup>2</sup>	67,47	4.434.043	115%	344.039.613	Điều chỉnh hệ số tăng 1,12 do có sơn nước. Tăng 10% do có hệ vệ sinh, tăng 5% do cửa xingfa.			
							A, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)													

	04/11/2025.	1'1 Diện tích nền lát gạch men (5.1x3,6) + (3x5,1) + (3,6x5) + (3,1x5,1) (STT37, mục A, phụ lục I kèm theo QĐ 12/2026)	m2	67,47	481.600	100%	32.493.552	
	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất : + GCNQSD đất số CH09415 cấp ngày 30/8/2018 cho ông Trần Minh Tuấn theo bản đồ địa chính tờ số 23 thửa số 61 tương ứng với tờ số 80 thửa số 11 theo bản đồ trích đo dự án. + GCNQSD đất số CS00875 cấp ngày 23/10/2019 cho ông Trần Minh Tuấn theo bản đồ địa chính tờ số 23 thửa số 183 tương ứng với tờ số 80 thửa số 14 theo bản đồ trích đo dự án.	2. Mái che lợp tôn, cột kèo sắt, nền bê tông (6,7x1,5) + (3,1x1,8) + (5,1x3,3) + (5,1x1,6) + (1,8x4,6) + (5,1x3,2) +(7,4x5) + (10,5x3) (STT4, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m2 XD	133,72	1.259.097	105%	176.784.773	Tăng 5% do nền bê tông
	- Giấy xác nhận số 149/GXN-CNKVCL ngày 04/3/2026 của UBND xã Cam Lâm về xác nhận: Nguồn gốc đất cho ông Trần Minh Tuấn. - Hiện sử dụng ổn định không tranh chấp. - Tình trạng sản xuất: Trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có thu nhập từ thửa đất bị thu hồi.	3. Sân bê tông xi măng (12,9x1) + (2,9x5) + (6x1,5) + (1x3) + (13x1) + (35x1) (STT17, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m2	87,4	230.583	100%	20.152.954	
		4. Tường rào xây gạch taplo cao 0,4m + lưới B40 cao 1,4m trụ bê tông cốt thép, móng đá chẻ dài (49,6+15)m (STT66.2, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	64,6	1.263.233	90%	73.444.367	Giảm 10% do tường cao 0,4m và lưới B40 cao 1,4m
		5. Tường rào lưới B40, trụ gỗ cao 1,4m, không móng dài (39,2+38) (STT11.1, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	77,2	537.955	90%	37.377.113	Giảm 10% do cao 1,4m và trụ gỗ
		6. Kè xây đá chẻ (0,2x2x67) + (2x0,2x49,5) (2x0,2x79,6) (STT49, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m3	78,44	3.975.098	100%	311.806.687	

			7. Học địa đơn bê tông cốt thép (0,05x2x5) (STT59.1, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m3	0,5	5.013.227	100%	2.506.614	
			8. Công buy xi măng đường kính 60 dài 10m (STT82, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	10	2.719.913	85%	23.119.261	Giảm 15% do đường kính 60
			9. Tường xây gạch taplo cao 1,6m dài 2m, móng đá chẻ (STT9.2, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	2	1.223.096	100%	2.446.192	
			10. Nhà mái lợp tôn, kèo sắt, trần laphong thạch cao, tường 100 sơn nước, cửa nhôm kính, hệ vệ sinh hoàn chỉnh, móng cos nền > 0,6m (4,5x10,5) (STT2.1, mục A, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m2 XD	47,25	4.434.043	115%	240.934.812	Tăng hệ số điều chỉnh 1,12 do có sơn nước. Tăng 10% do có hệ vệ sinh, tăng 5% do cos nền > 0,6m
			11. Công khung sắt hộp cao 2m dài 2,5m (2 cái) (STT13, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	5	3.855.960	100%	19.279.800	
			12. Công trụ xây gạch vuông 40 cao 2m cánh khung sắt + lưới B40 dài 2m (STT13, mục C, phụ lục kèm theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND)	m dài	2	3.855.960	90%	6.940.728	Giảm 10% do cánh khung sắt lưới B40
			13. Trụ xây đá chẻ	m3	11,2	3.096.280	100%	34.678.336	

			(2x0,4x1) x 14 trụ						
			(STT48, mục C, phụ lục						
			kèm theo QĐ						
			08/2026/QĐ-UBND)						
			14. Chuồng gà mái tôn, trụ	m2	4,59	1.259.097	100%	5.779.255	Giảm 5% do nền
			sắt nền đất, xung quanh						đất, tăng 5% do
			đựng lưới mắt cáo						lưới mắt cáo
			(1,7x2,7) (STT4, mục C,						
			phụ lục kèm theo QĐ						
			08/2026/QĐ-UBND)						
			15. Hàng rào lưới B40, trụ	m dài	50	537.955	100%	26.897.750	
			bê tông cốt thép cao 1,5m						
			dài (35+15)m(STT11.1,						
			mục C, phụ lục kèm theo						
			QĐ 08/2026/QĐ-UBND)						
			16. Cầu sàn gỗ trụ bê tông	m2	24	1.555.372	90%	33.596.035	Giảm 10% do
			cốt thép đường kính 0,2						không nền
			cao 2m (1,5x16) 20 trụ						
			(STT56, mục C, phụ lục						
			kèm theo QĐ						
			08/2026/QĐ-UBND)						
			17. Cầu sàn gỗ trụ bê tông	m2	15	1.555.372	90%	20.997.522	Giảm 10% do
			cốt thép đường kính 0,15						không nền
			cao 1,5m (0,5x30) 20 trụ						
			(STT56, mục C, phụ lục						
			kèm theo QĐ						
			08/2026/QĐ-UBND)						
			18. Trại mái tôn, kèo sắt,	m2	4,5	1.259.097	100%	5.665.937	Tăng 10% do
			vách tôn, nền gỗ						vách tôn + nền
			(2,5x1,8) (STT4, mục						gỗ
			C, phụ lục kèm theo QĐ						
			08/2026/QĐ-UBND)						
			19. Hệ thống tạo oxi và sủi	cái	5	-	100%	-	Chờ báo giá
			khí 05 Bộ						
			20. Tua lút 01 hộ	cái	1	-	100%	-	Chờ báo giá
			21. Ao địa sâu >1,2m diện	m2	2154,9	115.166	100%	248.171.213	
			tích thu hồi						

			(529,5+1625,4)m2							
			(STT2a, mục A, phụ lục IV kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND)							
			21'. Phần diện tích ảnh hưởng (197,9+622,1)m2 (STT2a, mục A, phụ lục IV kèm theo QĐ 12/2026/QĐ-UBND)	m2	820	115.166	100%	94.436.120		
			22. Ống nhựa Bình Minh đường kính 42 dài (37+42)x2m	m dài	158	-	100%	-	Chờ báo giá	
			23. Ống nhựa Bình Minh đường kính 27 dài (37+42)x2 + 37m	m dài	195	-	100%	-	Chờ báo giá	
			<b>3. Cây trồng</b>					<b>18.675.000</b>		
			- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 32/2024/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa							
			1. Dừa xiêm loại A	cây	11	1.588.000	100%	17.468.000		
			1;. Dừa xiêm loại A (vượt mật độ)	cây	72	1.588.000	0%	-		
			2. Sầu đâu 7 năm	cây	1	112.000	100%	112.000	Áp giá cây Keo	
			3. Hoa thân leo loại A	bụi	5	115.000	100%	575.000		
			4. Sanh loại A	cây	1	200.000	100%	200.000	Áp giá cây Sung	
			5. Điệp vàng loại A	cây	2	160.000	100%	320.000		
			<b>4. Các chính sách hỗ trợ</b>					<b>329.551.740</b>		
			- <b>Mức hỗ trợ bằng hình thức theo phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:</b> Sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung khi hộ dân có nhu cầu.							
			Đất nuôi trồng thủy sản	m <sup>2</sup>	2906,1	113.400	100%	329.551.740		
			- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.							
			- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa.							
			Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa:							
			* Đất NTS Vị trí 1: 37.800 đ/m <sup>2</sup> x 3 lần = 113.400 đ/m <sup>2</sup> .							
			<b>5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất</b>							
			Chính lý 02 GCNQSD đất số: CH09415, CS00875.							

11	<b>Họ và tên:</b>	<b>Chi tiết các thửa đất</b>						<b>1. BT về đất</b>				<b>2.470.531.736</b>	<b>3.183.680.014</b>						
	<b>Ông: Nguyễn Trung Hiếu</b>	Thôn Thủy Triều, Xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà						Đất trồng cây lâu năm;	m <sup>2</sup>	715	889.961	100%	636.322.115						
	<b>CCCD:056207009137</b>	<b>Bản đồ trích đo</b>		<b>Bản đồ địa chính</b>		<b>Loại đất</b>	<b>Vị trí</b>	<b>TổngDT (m<sup>2</sup>)</b>	<b>DTthu hồi (m<sup>2</sup>)</b>	<b>DT còn lại (m<sup>2</sup>)</b>	Đất trồng cây hàng năm	m <sup>2</sup>	496	889.961	100%	441.420.656			
	Năm sinh: 2007	<b>Số tờ</b>	<b>Số thửa</b>	<b>Số tờ</b>	<b>Số thửa</b>						khác; 75/12; (Thôn Thủy Triều)								
	Địa chỉ thường trú:										Đất trồng cây hàng năm	m <sup>2</sup>	647	889.961	100%	575.804.767			
	Thôn Tân Phú, Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	75	12	07	289	CLN	Vị trí 1	2.776	2.776	-	khác; 75/12; (Thôn Thủy triều								
	<b>SĐT: 0979646343</b>	75	12	07	287	BHK	Vị trí 1				Đất trồng cây lâu năm;	m <sup>2</sup>	918	889.961	100%	816.984.198			
	<b>Số nhân khẩu:</b>	75	12	07	221	BHK	Vị trí 1				75/12; (Thôn Thủy Triều)								
		75	12	07	217	CLN	Vị trí 1												
		<b>Cộng</b>							2.776	2.776	0	<i>- Dù điều kiện bồi thường về đất theo Điều 95 Luật Đất đai năm 2024.</i>							
		<b>Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m<sup>2</sup>):</b>										<i>- Đơn giá bồi thường đất áp dụng theo VB số 1953/PKT ngày 30/03/2026 của UBND xã Cam Lâm về cung cấp phương án giá đất cụ thể tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm, cụ thể:</i>							
		<b>Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:</b>										<i>+ Đơn giá bồi thường đất CLN &amp; BHK tờ 75 thửa 12 vị trí 1: 889.961 đồng/m<sup>2</sup>;</i>							
		<b>Các giấy tờ có liên quan:</b>						<b>2. Nhà, vật kiến trúc</b>				<b>153.315.278</b>							
		1. Văn bản số 01/KH-PTQĐ ngày 11/07/2025 của Trung tâm PTQĐ Cam Lâm Kế hoạch về việc triển khai thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.						<i>- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, QĐ 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và VB 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa</i>											
		2. Biên bản họp dân ngày 12/07/2025 và ngày 14/07/2025.																	
		Tổ chức họp dân, phổ biến và tiếp nhận ý kiến để xây dựng kế hoạch thông báo thu hồi đất thuộc dự án Khu đô thị mới Cam Lâm, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.						1. Giếng khoan sâu <= 20m, đường kính <=70 (STT 25, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m sâu	-	-	0%		-	Chờ đơn giá				
		3. Thông báo số 14/TB-UBND ngày 21/07/2025 của UBND xã Cam Lâm về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm tại xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà.						2. Trụ BTCT (0,1x0,1x2) (STT 60, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m3	0,2	11.101.357	100%	2.220.271						
		4. Ông Nguyễn Trung Hiếu đã nhận được thông báo thu hồi đất và đồng ý ký nhận vào biên bản kiểm kê số 300/BBKK-T2 ngày 23/01/2026.						3. Hàng rào lưới B40 trụ BTCT cao 1,5m dài 241m (STT 11.1, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m dài	241	537.955	100%	129.647.155						
		- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất : + GCNQSD đất số H00314 cấp ngày 26/08/2009 cho Bà Lê Thị Mỹ Hương và Ông Đỗ Mạnh Tường. Năm 2026 chuyển nhượng lại cho Ông Nguyễn Trung Hiếu Theo bản đồ địa chính tờ số 07 thửa số 289 tương ứng 1 phần tờ số 75 thửa số 12 theo bản đồ trích đo						4. Cổng trụ BTCT cánh lưới B40 cao 1,5m dài 4m (STT 80, Mục C, PL kèm theo	m2	6	3.574.642	100%	21.447.852						



Thôn Tân Phú, Xã Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa	Số tờ	Số thửa	Số tờ	Số thửa	đất	Vị trí	(m <sup>2</sup> )	hồi (m <sup>2</sup> )	Giá trị (m <sup>2</sup> )	Phòng kinh tế xã Cam Lâm về cung cấp phương án giá đất cụ thể tính tiền bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm, cụ thể:			
<b>SDT: 0979646343</b>	75	3	07	230	CLN	Vị trí 1	2108,2	2108,2	-				
<b>Số nhân khẩu: undefined</b>	<b>Cộng</b>						2.108,2	2.108,2	0	+ Đơn giá bồi thường đất CLN tờ 75 thửa 03 vị trí 1: 561.261 đồng/m <sup>2</sup> ;			
	<b>Tổng DT đất nông nghiệp đang sử dụng (m<sup>2</sup>):</b>							-	<b>2. Nhà, vật kiến trúc</b>			<b>151.185.011</b>	
	<b>Tỷ lệ phần trăm đất nông nghiệp bị thu hồi:</b>							-	- Bồi thường thiệt hại công trình, vật kiến trúc trên đất theo QĐ 08/2026/QĐ-UBND ngày 22/01/2026, QĐ 12/2026/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của UBND tỉnh Khánh Hòa và VB 2093/SXD-KTVLXD ngày 05/3/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa				
	<b>Các giấy tờ có liên quan:</b>												
	1. Văn bản số 01/KH-PTQĐ ngày 11/07/2025 của Trung tâm PTQĐ Cam Lâm Kế hoạch về việc triển khai thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Khu đô thị mới Cam Lâm.							Hàng rào lưới B40 trụ BTCT cao 1,5m, dài 231,2m (STT 11.1, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m dài	231,2	537.955	100%	124.375.196
	2. Biên bản họp dân ngày 12/07/2025 và ngày 14/07/2025. Tổ chức họp dân, phổ biến và tiếp nhận ý kiến để xây dựng kế hoạch thông báo thu hồi đất thuộc dự án Khu đô thị mới Cam Lâm, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.							Công trụ BTCT cánh lưới B40 cao 1,5m dài 5m (STT 80, Mục C, PL kèm theo QĐ08/2026)	m <sup>2</sup>	7,5	3.574.642	100%	26.809.815
	3. Thông báo số 14/TB-UBND ngày 21/07/2025 của UBND xã Cam Lâm về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị mới Cam Lâm tại xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà.							<b>3. Cây trồng</b>					<b>63.376.000</b>
	4. Ông Nguyễn Trung Hiếu đã nhận được thông báo thu hồi đất và đồng ý ký nhận vào biên bản kiểm kê số 102/BBKK-T2 ngày 04/08/2025							- Bồi thường thiệt hại cây trồng trên đất theo QĐ 32/2024/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa					
	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất : + GCNQSD đất số H00608 cấp ngày 19/12/2006 cho Nguyễn Trung Hiếu Theo bản đồ địa chính tờ số 07 thửa số 230 tương ứng với tờ số 75 thửa số 03 theo bản đồ trích đo dự án.							Keo > 11 năm	cây	157	194.000	100%	30.458.000
								Keo 7 năm	cây	211	146.000	100%	30.806.000
								Keo 3 năm	cây	32	66.000	100%	2.112.000
	- Giấy xác nhận số 919/GXN-CNKVCL ngày 01/04/2026 của UBND xã Cam Lâm về xác nhận : Nguồn gốc đất cho ông Nguyễn Trung Hiếu							<b>4. Các chính sách hỗ trợ</b>					<b>341.528.400</b>
	- Hiện sử dụng ổn định không tranh chấp.							- <b>Mức hỗ trợ bằng hình thức theo phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:</b> Sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung khi hộ dân có nhu cầu.					
	- Tình trạng sản xuất : Trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có thu nhập từ thửa đất bị thu hồi.							Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	2108,2	162.000	100%	341.528.400
								- Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất sẽ được xem xét phê duyệt bổ sung sau.					
								- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm theo khoản 1 Điều 13 Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/8/2024, sửa đổi, bổ sung bởi khoản 10 Điều 2 Quyết định 14/2025/QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa.					
								Đơn giá hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa, đất LUC VTI : 54.000 x 3= 162.000đ/m <sup>2</sup>					
								<b>5. Thu hồi chính lý GCNQSD đất</b>					
								Thu hồi 01 GCNQSD đất số: H00608					

**NGƯỜI LẬP**



Nguyễn Lê Văn

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thanh Chương**